

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Hóa chất phục vụ nghiên cứu phát triển sản phẩm quý I và quý II năm 2026

Kính gửi: Các Quý nhà cung cấp

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 04/8/2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025;

Căn cứ Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06/02/2024;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025;

Căn cứ Quyết định số 890a/QĐ-KHTN ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) về việc thành lập Viện Tế bào gốc;

Căn cứ Quyết định số 2876/QĐ-KHTN ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Viện Tế bào gốc, Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM;

Căn cứ Tờ trình số 0112/2025/TTr-CIPP ngày 04/12/2025 của Trưởng trung tâm Trung tâm Đổi mới sáng tạo và Sản xuất thực nghiệm về việc xin phê duyệt đề nghị “Mua sắm hóa chất phục vụ nghiên cứu phát triển sản phẩm quý I và quý II năm 2026”;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Tài chính và Cung ứng.

Viện Tế bào gốc đề nghị các Quý nhà cung cấp gửi báo giá đề xuất theo đề nghị tại phụ lục chi tiết kèm theo.

Mục đích báo giá: làm cơ sở xây dựng dự toán, kinh phí mua sắm

Thời hạn nhận báo giá đến hết: 16:30 ngày 10/12/2025

Yêu cầu báo giá:

- 01 bản chính bằng tiếng Việt
- Báo giá đã bao gồm các loại thuế, phí, chi phí vận chuyển, lệ phí (nếu có)... bên mua không phải trả bất kỳ chi phí nào thêm
- Hiệu lực báo giá: 90 ngày kể từ ngày ký
- Hình thức gửi báo giá: bản cứng và bản mềm PDF (bản đã đóng dấu)

Thư mời báo giá đăng tại địa chỉ: <https://sci.edu.vn/mua-sam/>

Địa điểm gửi báo giá:

- Bản gốc tại: Phòng Tài chính và Cung ứng – Viện Tế bào gốc
- Bản sao PDF tại địa chỉ email: cungung@sci.edu.vn, nghiado@sci.edu.vn.

Địa chỉ cơ quan: Tòa nhà B2-3 Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Khu phố 6,
Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh

Chân thành cảm ơn ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCCU.

VIỆN TRƯỞNG

Phạm Văn Phúc

PHỤ LỤC I

Thông tin chi tiết danh mục, số lượng, thông số kỹ thuật cung cấp trong báo giá

(Kèm theo Thư mời báo giá số: 211/TM-TCCU ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Viện trưởng Viện Tế bào gốc)

Tên tiếng việt	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng	Thông số chốt - Final
Môi trường nuôi cấy cơ bản MEM alpha, không chứa phenol red	500 ml/chai	Chai	100	- Môi trường MEM α được sử dụng cho nuôi cấy tế bào động vật có vú, chọn lọc tế bào DHFR âm tính đã được chuyển gen, phù hợp cho các loại tế bào tế bào động vật động vật có vú dạng bám dính và huyền phù (như Tế bào ung thư Vú - MCF7, nguyên bào sợi - Fibroblast, ung thư cổ tử cung - Hela....). - Thành phần môi trường có chứa: Low Glucose, L- glutamine, Sodium Pyruvate, Ribonucleosides, Deoxyribonucleosides - Thành phần môi trường không chứa: HEPES, Phenol Red - Môi trường được sản xuất tuân thủ cGMP và ISO 13485 hoặc tiêu chuẩn tương đương. - Thành phần không có chứa nguồn gốc từ động vật - pH 7.0-7.4 - Áp suất thẩm thấu 280 - 330 mOsm/kg Hoặc sản phẩm có thông số tương tự

Tên tiếng việt	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng	Thông số chốt - Final
Protein tái tổ hợp IL-2 của người	Lọ/ 1 mg	Lọ	5	- Protein interleukin-2 (IL-2) tái tổ hợp của người có trọng lượng phân tử 15.5 kDa - Độ tinh sạch >95% được xác định bằng phương pháp SDS-PAGE hoặc các phương pháp xác định chất lượng tương đương. - Nồng độ endotoxin: <0.1 ng/μg - Dạng: đông khô - Sử dụng cho các ứng dụng: Western Blot, hóa mô miễn dịch (IHC), ELISA, các xét nghiệm chức năng khác - Hoạt độ ED50 < 0.5 ng/mL; được xác định bằng sự tăng sinh phụ thuộc vào liều lượng của tế bào CTLL-2 ở chuột hoặc các phương pháp tương tự khác - Thành phần không chứa chất bảo quản - Đóng gói 1mg Hoặc sản phẩm có thông số tương tự
Chất bổ trợ thay thế Glutamine dùng cho sản xuất trong liệu pháp tế bào	100 ml/chai	Chai	100	- Dung dịch chứa L-alanyl-L-glutamine, không có nguồn gốc động vật, không chứa yếu tố xeno - Nồng độ: 100X - Sản phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn cGMP hoặc ISO 13485 hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương - Ổn định ở điều kiện nhiệt độ cao, tan tốt trong nước - pH: 5.0-6.0

Tên tiếng việt	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng	Thông số chốt - Final
				- Áp suất thẩm thấu: 440 - 500 mOsm/kg - Nồng độ endotoxin ≤ 1 EU/mL Hoặc sản phẩm có thông số tương tự
Môi trường nuôi cấy cơ bản DMEM/F12	500 ml	Chai	1000	- Môi trường nuôi cấy tế bào động vật cơ bản DMEM/F12 phù hợp cho nuôi cấy tế bào động vật với nồng độ huyết thanh bò FBS (Fetal Bovine Serum) thấp (1-5%) - Có chứa các thành phần như: ethanolamine, glutathione, ascorbic acid, insulin, transferrin, lipid-rich bovine serum albumin for cell culture, and the trace elements sodium selenite, ammonium metavanadate, cupric sulfate, và manganous chloride High Glucose, Non-Essential Amino Acids (NEAA), Sodium pyruvate, Phenol Red, human transferrin, insullin recombinant - Thành phần môi trường không chứa: L-glutamine, HEPES - Sản phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn cGMP hoặc ISO 13485 hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương - pH 7.0-7.4 - Áp suất thẩm thấu 290-330 mOsm/kg - Nồng độ endotoxin ≤ 1 EU/mL Hoặc sản phẩm có thông số tương tự

Tên tiếng việt	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng	Thông số chốt - Final
Môi trường tăng sinh tế bào diệt tự nhiên người human natural killer (hNK)	500 ml/chai	Chai	30	- Môi trường phù hợp cho nuôi cấy tăng sinh tế bào giết tự nhiên người- human natural killer (hNK). - Tế bào NK được nuôi trong môi trường đảm bảo duy trì hơn 90% sự biểu hiện marker CD56+/CD16+/CD3- - Sản phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn cGMP và ISO 13485 hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương - Môi trường không chứa huyết thanh - Quy cách đóng gói: bộ sản phẩm hoặc sản phẩm đơn lẻ hoàn chỉnh có thể tích tối thiểu 500mL, không cần bổ sung thành phần khác khi sử dụng. - Môi trường phù hợp nuôi cấy không sử dụng feeder cell Hoặc sản phẩm có thông số tương tự

Tên tiếng việt	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng	Thông số chốt - Final
Kháng thể đơn dòng CD3, thuộc nhóm chức năng	Lọ 500 μ g	Lọ	4	- Kháng thể đơn dòng liên kết với một epitope trên tiểu đơn vị epsilon trong phức hợp CD3 của người - Độ tinh sạch >90% được xác định bằng phương pháp SDS-PAGE hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương - Nồng độ độc tố: <0,001 ng/μg kháng thể, xác định bằng xét nghiệm LAL - Độ kết cụm < 10%, xác định bằng HPLC - Loài công bố: ruồi giấm, người, chuột - Loài chủ: Chuột - Isotype: IgG2a, kappa - liên hợp: nhóm chức năng - Dạng: dung dịch - Nồng độ: 1 mg/mL - Tinh sạch: sắc ký ái lực - Đệm bảo quản: TBS, pH 8.0 - Không chứa chất bảo quản - Điều kiện bảo quản 4° C - Đóng gói: 500μg - Ứng dụng: Western Blot (WB), hóa mô miễn dịch (IHC), (Paraffin) (IHC (P)) và (ICC/IF), phân tích tế bào dòng chảy (Flow Cytometry), ELISA, trung hòa, hoạt hóa tế bào T, xét nghiệm in vitro, các xét nghiệm chức năng khác

Tên tiếng việt	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng	Thông số chốt - Final
				Hoặc sản phẩm có thông số tương tự

Thư mời báo giá đăng tại địa chỉ: <https://sci.edu.vn/mua-sam/>

Tên tiếng việt	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng	Thông số chốt - Final
Protein tái tổ hợp IFN-gamma của người	1mg/ lọ	Lọ	1	IFN gamma là một protein dạng dimer gồm hai tiểu đơn vị có 146 axit amin. - Protein tái tổ hợp IFN-gamma được biểu hiện trên E. coli, - khối lượng phân tử 16.9 kDa - độ tinh sạch >95% được kiểm tra bằng kỹ thuật SDS-PAGE hoặc phương pháp tương tự. - Hoạt tính sinh học: ED50 > 0.5 ng/mL và < 3.0 ng/mL được xác định dựa trên khả năng gây độc tế bào phụ thuộc liều của tế bào WiDr người. - Dạng bào chế: Protein tinh khiết trong đệm Tris 40 mM, - pH 7.4, - không mang chất tải. - Vô trùng - Nồng độ nội độc tố: <0.1 ng/μg - Sản phẩm có thể sử dụng cho các kỹ thuật Western blot, Immunohistochemistry (IHC), ELISA, thử nghiệm chức năng, đối chứng. Thành phần không chứa chất bảo quản Đóng gói 1mg Hoặc sản phẩm có thông số tương tự

Tên tiếng việt	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng	Thông số chốt - Final
Bộ kit phát hiện định lượng nội độc tố	240 phản ứng/ bộ	Bộ	9	- Bộ kit định lượng nội độc tố có độ nhạy cao, cho phép phát hiện và định lượng chính xác nội độc tố trong mẫu protein, peptide, acid nucleic (DNA hoặc RNA), vaccine hoặc kháng thể bằng cách sử dụng lysate bạch cầu amebocyte. - Phương pháp phát hiện: đo màu, bằng máy đo quang phổ hoặc máy đọc đĩa. - Bước sóng phát hiện: 405-410 nm - Phạm vi phát hiện: 0,01 EU/mL đến 1 EU/mL - Đặc hiệu – không bị ảnh hưởng bởi β-glucan. - Đóng gói 240 phản ứng - Hoặc sản phẩm có thông số tương tự
Chất bổ sung yếu tố tăng trưởng biểu mô tuyến vú (Mammary Epithelial Growth Supplement - MEGS)	5ml /chai	Chai	300	- Dung dịch chứa chất tăng trưởng biểu mô tuyến vú (MEGS) được sử dụng bổ sung vào môi trường nuôi cấy và tăng sinh tế bào biểu mô tuyến vú. - Chất bổ sung chứa: Chiết xuất tuyến yên bò- Bovine pituitary extract (BPE); yếu tố tăng trưởng Recombinant human insulin-like growth factor-I; - Hydrocortisone; yếu tố tăng trưởng biểu bì người - Human epidermal growth factor. - Nồng độ: 100X - Loại tế bào: tế bào biểu mô (tuyến vú) - Hoặc sản phẩm có thông số tương tự

Tên tiếng việt	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng	Thông số chốt - Final
Dung dịch enzyme tách tế bào, không chứa phenol red	5 L/túi	Túi	10	- Dung dịch enzyme dùng để tách tế bào; - Dung dịch enzyme tái tổ hợp, không có nguồn gốc động vật, dùng để tách rời nhiều loại tế bào động vật có vú bám dính; - Dung dịch có đặc điểm: + Ổn định ở nhiệt độ phòng + Không có nguồn gốc động vật (AOF) + Thành phần chứa EDTA, không chứa Phenol red + Sản phẩm sản xuất theo tiêu chuẩn cGMP và ISO 13485 hoặc tương đương + Nồng độ 1X + Dạng: lỏng + Áp suất thẩm thấu: 275 - 300 mOsm/kg + Đã lọc vô trùng + pH: 7.0 - 7.5 + Đóng gói: 5L/túi - Hoặc sản phẩm có thông số tương đương

Tên tiếng việt	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng	Thông số chốt - Final
Môi trường nuôi cấy tế bào miễn dịch, không chứa phenol red và kháng sinh		10 00ml	20	- Dung dịch là môi trường nuôi cấy tế bào không có huyết thanh, dùng trong tăng sinh và thao tác với tế bào T, tế bào đuôi gai (dendritic cells) và các tế bào miễn dịch khác, được sản xuất tuân thủ cGMP hoặc tương đương. - Thành phần môi trường có chứa L-glutamine, không chứa phenol red, gentamicin sulfate và streptomycin sulfate - Môi trường có thể được bổ sung với huyết thanh của người hoặc các chất bổ sung phù hợp, cùng với các cytokine hoặc yếu tố tăng trưởng khác tùy theo mục đích sử dụng. - Môi trường sử dụng phù hợp với nhiều ứng dụng lâm sàng liên quan đến tế bào miễn dịch như tế bào đuôi gai đã được kích hoạt. Môi trường hỗ trợ mở rộng tế bào T, các phân nhóm tế bào T và tế bào T đặc hiệu virus. Môi trường cũng có thể hỗ trợ tế bào NK kết hợp với feeder cells. Mỗi lô môi trường được đánh giá tiền chất lượng bằng tế bào Jurkat, một dòng tế bào T người bất tử, nhằm đảm bảo hiệu suất nhất quán. - Loại tế bào: Monocytes, Dendritic Cells, T Cells, Hybridomas, PBMCs, Fibroblasts, Macrophages, Myeloma Cells, Lymphocytes - Quy cách: chai 1L - Chất lượng sản xuất : ISO 13485, MDSAP, FDA-registered, 21 CFR 820 hoặc tương đương - Thể tích: 1L - Phân loại: có nguồn gốc động vật

Tên tiếng việt	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng	Thông số chốt - Final
				- Nồng độ endotoxin: ≤ 1.00 EU/mL - Độ thẩm thấu : 310 đến 340 mOsm/kg - pH: 6.8-7.3 - Tiệt trùng: lọc vô trùng Hoặc sản phẩm có thông số tương đương

Tên tiếng việt	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng	Thông số chốt - Final
Dung dịch bổ sung Insulin-Transferrin-Selenium-Ethanolamine, 100X	100mL / chai	Chai	3	- Dung dịch chứa Insulin-Transferrin-Selenium-Ethanolamine (ITS-X) được sử dụng như chất bổ sung vào môi trường, dung dịch không chứa các thành phần có nguồn gốc động vật (AOF), được sử dụng để giảm lượng huyết thanh bò thai (FBS) cần thiết trong nuôi cấy tế bào. - Insulin và transferrin trong công thức ITS-X Select được sản xuất thông qua hệ thống biểu hiện tái tổ hợp không phải động vật có vú. - Dung dịch thường được sử dụng kết hợp với 2–4% FBS để hỗ trợ các loại tế bào cần ethanolamine, chẳng hạn như tế bào biểu mô phế quản. - Sản phẩm chứa: + Insulin: 1000.0 mg/mL + Transferrin: 550.0 mg/mL + Sodium selenite: 0.67 mg/mL + Ethanolamine: 200.0 mg/mL + Sản phẩm được sản xuất tại cơ sở tuân thủ cGMP, FDA, theo tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương + Nồng độ: 100X + Loại nuôi cấy: nuôi cấy tế bào động vật có vú + Nồng độ endotoxin: ≤ 1.00 EU/mL + Chất lượng sản xuất : Tuân thủ cGMP theo tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương

Tên tiếng việt	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng	Thông số chốt - Final
				+ Độ thẩm thấu : 275 đến 310 mOsm/kg + Thể tích: 100 mL (dạng dung dịch) + Loại sản phẩm: Chất bổ sung môi trường nuôi cấy tế bào + Vô trùng + pH: 7.8 đến 9.5 + Điều kiện bảo quản: 2°C đến 8°C Hoặc sản phẩm có thông số tương đương

Phụ lục II

MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Thư mời báo giá số: 211/TM-TCCU ngày 05 tháng 12 năm 2025
của Viện trưởng Viện Tế bào gốc)

CÔNG TY.....

MST:....

Đc:.....

SĐT:....

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: VIỆN TẾ BÀO GỐC

Địa chỉ: Tòa nhà B2-3 Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Khu phố 6, Phường Linh Xuân, TP. HCM

ĐT: 02836361206 Email: cungung@sci.edu.vn

Công ty chúng tôi kính gửi quý Viện báo giá sau:

STT	Danh mục	Thông số kỹ thuật		Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
		Thông số sản phẩm	Thông số về nhân sự				
	Tổng cộng						

Bảng chữ: /.

- Báo giá đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có), chi phí vận chuyển,... bên mua không phải trả bất kỳ một chi phí nào thêm.
- Hiệu lực báo giá: 30 ngày kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

....., ngày ... tháng ... năm 2025

- Như trên;
- Lưu: VT, TCCU.

Đại diện công ty

(Ký và ghi rõ họ tên)

Thư mời báo giá đăng tại địa chỉ: <https://sci.edu.vn/mua-sam/>